

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/07/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	P2+RC6+RP2	7:25	17+1+4	0+0+0		5+0+17	0+0+0	
2	410	DD8+P10	7:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
3	424	P11+DD8-TD1	7:25	3+19+0	0+0+0		3+12+7	0+0+0	
4	846	P10+TD2+RC5	9:25	21+0+0	0+0+0		18+0+0	0+0+0	chuyen 4 pax td2-rc5
5	410	CLO+BK10+BK15	9:25	11+7+4	0+0+0		11+5+6	0+0+0	
6	424	P9+BK3+P2	9:25	9+10+3	0+0+0		8+10+4	0+0+0	
7	846	RP3+VSP02-P2	11:25	11+11	0+0		0+21	0+0	
8	410	TTC2+P11+P9	11:25	4+0+18	0+0+0		0+4+18	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : 1/4 ng. at cấp 3 đi P11 về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2017	TO: P2 - RC6 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - MQUAN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PARSHIN	P2	35	1	12	35	88	KH-THAC	Russian
2	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VĂN CƯƠNG	P2	40	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ANH ĐỨC	P2	45	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN CHAU NAM	P2	37	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐÀO	P2	33	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG HUY HOANG	P2	46-47	2	8		69	KH-THAC	Vietnamese
9	BIỆN ĐĂNG SAM	P2	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH UT	P2	41	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH THUẬN	P2	32	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI HOANG TÂM	P2	50	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG QUANG TÊ	P2	43-44	2	20		64	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ HỮU ĐỨC	P2	38-39	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MINH QUÂN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	34	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM LÊ DƯƠNG	P2	36	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
18	HA VAN CANH	RC6	62	1	9	10	62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	RP2	74-75	2	20	45	72	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ VĂN MINH	RP2	76	1	9		77	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN GIAO	RP2	77-78	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG	RP2	73	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	17	99	1.215	35	7		
2	RC6	1	1	9	62	10	0		
3	RP2	4	6	57	277	45	15		
TOTAL		22	24	165	1.554	90	22		
WEIGHT KG				165	1.554	90			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Jul-17	TO: DD8 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - CHIẾN - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH TRONG	DD8	58-59	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TIEN	DD8	69-70	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	FELIX FEDERIK GERSEN	DD8	51-52	2	15		130	KHOAN	Dutch
4	SANFORD STANISLAUS D'MELLO	DD8	54	1	14		75	KHOAN	Indonesian
5	FRAYLEE	DD8	53	1	9		90	KHOAN	Indonesian
6	NGUYEN DUC TUOI	DD8	64	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG TRUNG	DD8	62	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	BUI TRỌNG TOAN	DD8	68	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THANG	DD8	55	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
10	TU DUONG HUNG	DD8	57	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
11	LE TRUNG KIEN	DD8	63	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUY HOA	DD8	66	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DAO	DD8	60-61	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	HUYNH VAN DUOC	DD8	56	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN DUNG	DD8	71	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DINH TIEN	DD8	65	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN BAO CHIEN	DD8	67	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	EVSEEV O.V.	P10	51	1	8		100	KH-THAC	Russian
19	TRAN HUNG MEN	P10	53	1	5	40	64	YTE	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC BA	P10	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	BABKIN A. M	P10	54	1	8		90	KH-THAC	Russian
22	TRẦN KIM NGỌC	P10	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD8	17	21	136	1.246	0	15		
2	P10	5	5	31	389	40	7		
TOTAL		22	26	167	1.635	40	22		
WEIGHT KG				167	1.635	40			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2017	TO: P11 - DD8 - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Cuong - PVDũng - THẢO	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN TUYẾN	P11					68	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU MINH HUNG	P11	96	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO ĐỨC HAI	P11	92	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ABOIMOV	P11	90	1	4	20	98	ANTOAN	Russian
5	CAO MINH HOANG	P11	85	1	8	10	76	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG MANH CUONG	P11				35	65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	P11	94	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CONG HOANG	P11	93	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
9	MAI CONG LAN	P11	91	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN CO	P11	89	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VAN TUAN	P11					50	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO MANH HUNG	P11	197	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HONG QUAN	P11	86-87	2	16		72	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC ANH	P11	84	1	6		66	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LAM	P11	400	1	8		72	CODIEN	Vietnamese
16	ĐO ANH ĐỨC	P11	97	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
17	HA THE BAO	P11	98	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HIEN	P11	95	1	3		69	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THU TRANG	P11	88	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	TRAN CONG HA	DD8	92-93	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ CHI HUU	DD8	94	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẶNG QUỐC VIỆN	DD8	91	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	19	17	115	1.331	65	11		
2	DD8	3	4	28	220	0	4		
3	TD1	0	0	0	0	20	7		
TOTAL		22	21	143	1.551	85	22		
WEIGHT KG				143	1.551	85			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Jul-17	TO: P10 - TD2 - RC5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - MQUAN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC KHANH	P10	07	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THE HUNG	P10	01	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH KHOA	P10	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG SY NGUYEN	P10	11	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN HUONG	P10	08	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN NAM	P10	15	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN TAM NHAN	P10	20	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN KHANH TOAN	P10	19	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HUU TRI	P10	09	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN TRONG MANH	P10	05-06	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH THANH BINH	P10	22	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC PHI	P10	14	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH KHANH	P10	02	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN BIEU	P10	17	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
15	LUYEN VAN THIEU	P10	13	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	P10	10	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THANG	P10	03	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
18	DO DINH VAN	P10	04	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH BA NINH	P10	16	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH CONG VAN	P10	12	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
21	DO LEMH DAO	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU THANH	P10	21	1	5		60	DANG KIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	22	127	1.526	0	17		CHUYEN 04 PAX TU TD2 SANG RC5
2	TD2	0	0	0	0	40	14		
3	RC5	0	0	0	0	20	0		
TOTAL		22	22	127	1.526	60	18		
WEIGHT KG				127	1.526	60			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2017	TO: CLO - BK10 - BK15	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Nam - CHIẾN - PTUẤN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YAKHIN	CLO	13	1	10	50	85	KH-THAC	Russian
2	ĐOAN NGUYEN BAO CHAU	CLO	25-26	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO TIEN SON	CLO	20	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC SƠN	CLO	23-24	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO VĂN TRƯỜNG	CLO	21	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LUU ĐỨC TUAN	CLO	18-19	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG THẾ VINH	CLO	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ KHUÔNG	CLO	15	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ ĐÌNH TUYẾN	CLO	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VĂN ĐÔNG	CLO	17	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THỤ	CLO	14	1	15		52	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ĐANG	BK10	07	1	5	50	75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	09	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔNG TRUNG HUY	BK10	08	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
15	TẠ VĂN VIỆT	BK10	05-06	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN KHUÔNG	BK10	04	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH TUAN	BK10	01	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG NHẬT ANH	BK10	02-03	2	8		56	PSV	Vietnamese
19	PODUMOV.D.N	BK15	02	1	7		148	KH-THAC	Russian
20	NGUYEN HOANG KHA	BK15	05	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LUU TIEN THANH	BK15	04	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	03	1	11		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	11	14	105	726	50	11		
2	BK10	7	9	46	479	50	5		
3	BK15	4	4	35	380	0	6		
TOTAL		22	27	186	1.585	100	22		
WEIGHT KG				186	1.585	100			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2017	TO: P9 - BK3 - P2	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Cương - PVDũng - THẢO	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	60	1	7		50	YTE	Vietnamese
2	ĐO VĂN THÀNH	P9	67	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VĂN ĐAI	P9	75	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN QUÊ	P9	65	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH HẢI	P9	74	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGOC LONG	P9	73	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TAM THUY	P9	71	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAO VIỆT HẢI	P9	72	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ LANG TU	P9	66,10-11	3	12		64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐAU THE HAI	P9	68	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHU	BK3	40	1	6	40	59	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC THÈ	BK3	73	1	18		65	XAYLAP	Vietnamese
13	SU HUU QUYNH	BK3	36	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH ĐẠT	BK3	37	1	8		74	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI VĂN TUẤN	BK3	39	1	6		62	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐO VĂN TU	BK3					79	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CÔNG VINH	BK3	80	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HIỀN TRƯƠNG	BK3	38	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ĐỨC THUẬN	BK3	41	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC MÃN	BK3	78	1	6		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TUNG DƯƠNG	P2	51	1	10		65	ANTOAN	Vietnamese
22	TRỊNH NGỌC THẢO	P2	52	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	10	12	61	701	0	10		
2	BK3	10	9	66	664	40	10		
3	P2	2	2	23	132	0	2		
TOTAL		22	23	150	1.497	40	22		
WEIGHT KG				150	1.497	40			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Jul-17	TO: RP3 - VSP02 - P2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - MQUÂN	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN SƠN	RP3					57	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LINH	RP3	81-82	2	13	25	79	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MẬT TÊN	RP3	80	1	10		65	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HAI	RP3	79	1	5		80	KHI	Vietnamese
5	HỒ VĂN PHÁP	RP3	78	1	12		62	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐÀU	RP3	77	1	7		62	KHI	Vietnamese
7	VŨ VĂN DIỆN	RP3	76	1	7		62	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KIÊM	RP3	75	1	7		60	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	RP3	73	1	7		70	KHI	Vietnamese
10	TRẦN TẤN Y	RP3	74	1	5		63	KHI	Vietnamese
11	PHAN TRUONG GIANG	P2	74	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
12	QUACH XUÂN THƯƠNG **	P2	75-76	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THÈ	P2	73	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NGHĨA	P2	83	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TIÊN SỸ	P2	86	1	13		78	XAYLAP	Vietnamese
16	LA TUẤN LINH	P2	84	1	7		71	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN ĐẠT	P2	87	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC TÍNH	P2	85	1	13	14	69	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	80-81	2	20		75	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	P2	78-79	2	20		57	PSV	Vietnamese
21	LÊ TÙNG LAM	P2	77	1	8		57	PSV	Vietnamese
22	LÊ LAN PHƯƠNG	P2	82	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	10	73	660	25	0		
2	VSP02	0	0	0	0	0	1		
3	P2	12	15	147	781	14	21		
TOTAL		22	25	220	1.441	39	22		
WEIGHT KG				220	1.441	39			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/07/2017	TO: TTC2 - P11 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - PTUÁN	ETA: 13:15
cam-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CHI HIEU	TTC2	79-80	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUY TAI	TTC2	76	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MANH THANG	TTC2	77	1	6	20	59	KH-THAC	Vietnamese
4	VU HUU CHINH	TTC2	81	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SINH	P11	89	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN XUAN HUONG	P9	60	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOAI THANH	P9	22	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRINH THE NHAN	P9	63	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM KHAC SOAT	P9	63	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
10	HUA SAY	P9	59	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN XUAN HOP	P9	62	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN VUONG	P9	13-14	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LE QUOC DONG	P9	61	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEU	P9	15	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN NGOC DO	P9	12	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN ANH	P9	21	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DA KHA	P9	64	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC THANH	P9	16	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	VU DANG HOANG	P9	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ANTONOV . C	P9	19	1	10		113	KH-THAC	Russian
21	KURKIN	P9	17	1	15	22	81	CODIEN	Russian
22	DUONG CONG LUONG	P9	53	1	6		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	5	33	261	20	0		
2	P11	1	1	5	66	0	5		
3	P9	17	18	105	1.189	22	16		
TOTAL		22	24	143	1.516	42	21		
WEIGHT KG				143	1.516	42			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN